

Bản án số: 09/2025/HNGĐ-PT

Ngày 08/5/2025

V/v: tranh chấp hôn nhân và gia đình.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phúc An Hoàn

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thanh Hương và ông Trần Anh Tuấn.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Lê Hồng Phong, Thẩm tra viên - Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa:** Bà Ma Thị Thắm, Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 5 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang, xét xử phúc thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 05/2024/TLPT - HNGĐ ngày 02 tháng 4 năm 2025 về việc “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình*”.

Do Bản án hôn nhân gia đình số 17/2025/HNGĐ-ST, ngày 23/01/2025 của Tòa án nhân dân thành phố T. Q, tỉnh Tuyên Quang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2025/QĐPT-HNGĐ, ngày 22/4/2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Phạm Thị Minh H**, sinh năm 1976;

Địa chỉ: Thôn C, xã Gi, huyện M, tỉnh Hà Giang. *Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.*

2. Bị đơn: Ông **Vương Ngọc L**, sinh ngày 28/5/1965;

Địa chỉ: Số nhà 54, tổ 7, phường N. T, thành phố T. Q, tỉnh Tuyên Quang. *Có mặt.*

Người kháng cáo: Bị đơn ông Vương Ngọc L.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, lời trình bày trong phiên hoà giải và tại phiên tòa nguyên đơn chị **Phạm Thị Minh H** trình bày: Về quan hệ hôn nhân: Bà H và ông L lấy nhau có đăng ký kết hôn vào ngày 28/12/2018 tại UBND phường N. T, thành phố T. Q, tỉnh Tuyên Quang. Bà H và ông L đều kết hôn lần 2 nên không tổ

chức lễ cưới hỏi theo phong tục tập quán địa phương. Sau khi kết hôn mỗi người làm ăn sinh sống một nơi, bà H sinh sống tại tỉnh Hà Giang còn ông L sinh sống tại thành phố T. Q, ngay sau khi kết hôn vợ chồng chung sống không hạnh phúc, mâu thuẫn về mọi mặt trong đời sống vợ chồng. Vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 6 năm 2020 cho đến nay, không ai còn quan tâm đến ai.

Bà H xác định tình cảm vợ chồng đã hết đề nghị Tòa án nhân dân thành phố T. Q giải quyết cho ly hôn với ông Vương Ngọc L.

Do bà H công tác ở xa tại huyện M, tỉnh Hà Giang, tình cảm vợ chồng không còn bà đề nghị Tòa án không hòa giải nhiều lần mà đưa vụ án ra xét xử để đảm bảo an toàn tính mạng cho bà H.

- Về quan hệ con chung: Ông, bà không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.
- Về tài sản chung: Ông, bà tự thỏa thuận, không đề nghị Tòa án giải quyết.
- Về vay nợ chung: Ông, bà không vay nợ chung, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Vương Ngọc L trình bày: Về quan hệ hôn nhân: Ông không đồng ý việc bà H trình bày ông không yêu thương con riêng của bà H, ông luôn yêu thương con riêng của bà H mà mâu thuẫn là do bà H. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống mỗi người một nơi. Từ khoảng tết năm 2021 cho đến nay hai vợ chồng sống ly thân, không ai còn quan tâm đến ai. Về tình cảm vợ chồng không còn, tuy nhiên trước khi Tòa án giải quyết ly hôn ông đề nghị bà Phạm Thị Minh H phải mang trả cho ông L 01 (một) xe máy của ông L, ông L mua trước khi đăng ký kết hôn với bà H, ông không nhớ biển số xe, chỉ biết là xe Wave, giá trị ban đầu là 26.000.000đ (Hai mươi sáu triệu đồng). Sau khi đăng ký kết hôn về vừa được tháng trước thì tháng sau bà H nói là chị công tác ở xa, đường đi xấu nên bà H bảo là chồng đi xe máy Lead của vợ và vợ đi xe Wave của chồng. Lúc đó là vợ chồng nên ông hoàn toàn đồng ý và đưa các giấy tờ xe cho bà H. Sau này bà H lại bảo là xe Wave đi yếu lắm bà sẽ bán đi rồi bà thêm tiền mua xe khác đi mục đích là để ông L phụ thuộc vào bà H.

Sau đó đến năm 2019 bà H quay video bán xe Wave của ông L. Sau khi bán xe bà H đã mua một xe máy Wave RSX đứng tên bà H đưa cho ông L sử dụng, hiện nay ông L đang sử dụng. Ông yêu cầu bà H phải mang trả lại đúng xe máy của ông L mua trước khi kết hôn là tài sản riêng của ông L về trả lại cho ông L.

Ông L còn đề nghị bà H phải trả lại hiện trạng tường nhà như ban đầu (tường nhà quét vôi), vì khi lấy nhau năm 2018 về bà H tự mua một số tấm xốp dán lên tường làm xấu nhà. Khi bà H dán các tấm xốp lên tường ông L không có ở nhà, khi ông L về ông không ý kiến gì. Sau này bà H đi ông L đã xé các tấm xốp xuống. Trị giá hư hỏng khoảng 60.000.000đ (Sáu mươi triệu đồng). Ông đề nghị bà H phải khôi phục lại như

bản đầu. Ông yêu cầu Tòa án phải giải quyết xong hai việc này ông mới nhất trí ly hôn. Ông không làm đơn phản tố, không cung cấp tài liệu, chứng cứ cho Tòa án.

- Về quan hệ con chung: Ông L xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản, đất đai chung: Ông L xác định không có tài sản gì chung.

- Về vay nợ chung: Ông L xác định không vay nợ chung, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Vụ án đã được Tòa án nhân dân thành phố T. Q, tỉnh Tuyên Quang thụ lý, xác minh, thu thập chứng cứ, hòa giải nhưng không thành và đã quyết định đưa vụ án ra xét xử. Tại Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 17/2025/HNGĐ-ST, ngày 23/01/2025 của Tòa án nhân dân thành phố T. Q quyết định:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; khoản 4, Điều 147; khoản 1, Điều 228; Điều 266; Điều 267; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí của Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của bà Phạm Thị Minh H.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Phạm Thị Minh H được ly hôn với ông Vương Ngọc L.

2. Về án phí: Bà Phạm Thị Minh H phải chịu tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*), theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0000238 ngày 18 tháng 11 năm 2024 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố T. Q, tỉnh Tuyên Quang). Bà Phạm Thị Minh H đã nộp đủ tiền án phí.

Ngoài ra bản án còn tuyên về quyền kháng cáo của các bên đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 24/01/2025, Tòa án nhận được đơn kháng cáo của bị đơn ông Vương Ngọc L và đơn đề ngày 28/02/2025 kháng cáo không nhất trí đối với bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 17/2025/HNGĐ-ST ngày 23/01/2025 của Tòa án nhân dân thành phố T. Q, đề nghị Tòa án yêu cầu bà Phạm Thị Minh H trả lại chiếc xe máy riêng của ông do bà H đã lấy đi làm và đã bán, đề nghị bà H trả lại nguyên vẹn tường nhà mà bà đã trang trí thì ông mới nhất trí ly hôn.

Tại phiên tòa phúc thẩm bị đơn ông Vương Ngọc L giữ nguyên nội dung kháng cáo. Ông L trình bày: Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm xét xét yêu cầu bà Phạm Thị Minh H trả lại cho ông chiếc xe máy, nhãn hiệu Wave, màu đen nâu, là xe cũ ông đã mua trước thời điểm kết hôn với bà H, do lâu ngày ông không nhớ rõ về số khung, số máy, biển kiểm soát của xe máy Wave nêu trên, do sau khi kết hôn bà H đã lấy đi làm và đã bán. Đối với tường nhà, sau khi kết hôn bà H đã tự ý mua xốp dán lên tường nhà, sau khi bà H bỏ đi ông L đã xé các tấm xốp xuống làm bong tróc tường nhà, hư hỏng trị giá thiệt hại khoảng 60.000.000 đồng, ông L yêu cầu bà H phải khôi phục lại như hiện trạng ban đầu hoặc thanh toán cho ông phần tường nhà hư hỏng từ việc bà H dán tấm xốp trị giá 60.000.000 đồng. Đối với chiếc xe máy Wave RSX, khi bán xe cũ bà H mua xe Wave RSX thì hiện ông L đang là người trực tiếp quản lý, sử dụng, đang đi xe Wave RSX. Đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định của pháp luật.

Nguyên đơn bà Phạm Thị Minh H có đơn xin xét xử vắng mặt, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm giữ nguyên bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; các đương sự đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đơn kháng cáo của ông Vương Ngọc L hợp lệ, trong hạn luật định.

Về nội dung vụ án: Căn cứ các tài liệu trong hồ sơ vụ án, qua tranh luận tại phiên tòa phúc thẩm thấy rằng cấp sơ thẩm đã xem xét, đánh giá toàn diện vụ án, phù hợp theo quy định của pháp luật, không có căn cứ chấp nhận đơn kháng cáo bản án của bị đơn ông Vương Ngọc L. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308, Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Vương Ngọc L, giữ nguyên Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 17/2025/HNGĐ-ST ngày 23/01/2025 của Tòa án nhân dân thành phố T. Q, tỉnh Tuyên Quang.

Do Tòa án cấp phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo, bị đơn ông Vương Ngọc L phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về trình tự, thủ tục kháng cáo:

Ngày 24/01/2025, Tòa án nhận được đơn kháng cáo bản án của bị đơn ông Vương Ngọc L và đơn đề ngày 28/02/2025, kháng cáo đối với Bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 17/2025/HNGĐ-ST ngày 23/01/2025 của Tòa

án nhân dân thành phố T. Q, tỉnh Tuyên Quang. Việc kháng cáo được thực hiện trong thời hạn luật định, nội dung kháng cáo và quyền kháng cáo phù hợp với quy định của pháp luật, nên được chấp nhận xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về nội dung kháng cáo của bị đơn ông Vương Ngọc L:

[2.1] Về nội dung vụ án:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà H và ông L đăng ký kết hôn vào ngày 28 tháng 12 năm 2018 tại UBND phường N. T, thành phố T. Q, tỉnh Tuyên Quang, trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống bà H và ông L phát sinh mâu thuẫn nhiều năm, cuộc sống vợ chồng không hòa hợp, đã sống ly thân từ khoảng tết năm 2021 cho đến nay, từ khoảng tết năm 2021 bà H đã không về tổ 7, phường N. T chung sống cùng ông L cũng từ đó bà H và ông L sống ly thân. Trong thời gian sống ly thân không ai còn quan tâm đến ai. Bà H xác định tình cảm vợ chồng với ông L đã trầm trọng đề nghị giải quyết ly hôn với ông Vương Ngọc L. Cấp sơ thẩm giải quyết xử cho bà H được ly hôn với ông Vương là có cơ sở.

- Về con chung: Bà Phạm Thị Minh H và ông Vương Ngọc L cùng xác nhận không có con chung, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về tài sản chung:

Bà Phạm Thị Minh H xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ông Vương Ngọc L xác định vợ chồng không có tài sản chung nhưng yêu cầu xem xét về tài sản, cụ thể:

Đối với 01 xe máy nhãn hiệu Wave là tài sản riêng của ông L mua trước khi kết hôn, tuy nhiên khoảng đầu năm 2019 bà H đã bán. Bà H đã thêm tiền mua 01 xe máy nhãn hiệu Wave RSX đứng tên bà H, hiện nay ông L đang đi. Ông L yêu cầu bà H phải trả lại đúng xe Wave mà bà H đã bán là tài sản riêng của ông Vương Ngọc L.

Ông L yêu cầu bà H phải trả lại hiện trạng tường nhà như ban đầu (tường quét vôi) vì khi lấy nhau năm 2018 về bà H có tự mua một số tấm xốp dán lên tường làm xấu nhà. Khi bà H mua tấm dán và dán các tấm xốp lên tường ông L không có nhà, khi ông L về anh không ý kiến gì. Sau này bà H đi ông L đã xé các tấm xốp xuống. Trị giá hư hỏng khoảng 60.000.000đ (Sáu mươi triệu đồng). Yêu cầu bà H phải khôi phục lại như ban đầu.

Cấp sơ thẩm xác định quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Vương Ngọc L không có yêu cầu phản tố, không nộp tài liệu, chứng cứ chứng minh đối với yêu cầu. Quá trình giải quyết vụ án từ bản tự khai; biên bản phiên họp công khai chứng cứ; biên bản hòa giải; biên bản làm việc ông L đều không ký, không ghi rõ họ và tên. Tài sản xe máy nhãn hiệu Wave đã bán từ năm 2019, bà H cũng đã thêm tiền mua 01 xe máy nhãn hiệu Wave RSX để ông L sử dụng, hiện ông L đang sử dụng, ông L không

yêu cầu giải quyết về xe máy Wave RSX, nên cấp sơ thẩm không có cơ sở giải quyết. Về tài sản riêng ông L có quyền khởi kiện bằng vụ án khác khi có yêu cầu.

- Về vay nợ chung: Bà Phạm Thị Minh H và ông Vương Ngọc L cùng xác nhận không vay nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.2] Xét kháng cáo của bị đơn ông Vương Ngọc L, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Xét thấy: Khi giải quyết vụ án Tòa án cấp sơ thẩm đã tiến hành thu thập tài liệu, chứng cứ; tại biên bản kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ; Biên bản hòa giải; Biên bản làm việc của Tòa án với ông Vương Ngọc L, ông L có mặt; Tòa án ban hành văn bản thông báo, hướng dẫn bị đơn thực hiện yêu cầu phản tố trong vụ án, tuy nhiên bị đơn ông Vương Ngọc L không thực hiện. Theo quy định, cấp sơ thẩm không xem xét, giải quyết đối với yêu cầu của bị đơn ông Vương Ngọc L là có căn cứ, phù hợp theo quy định của pháp luật. Tại cấp phúc thẩm bị đơn ông Vương Ngọc L không cung cấp, bổ sung được tài liệu, chứng cứ mới. Do đó không có cơ sở xem xét về nội dung kháng cáo bản án sơ thẩm của ông Vương Ngọc L, cần giữ nguyên Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 17/2025/HNGĐ-ST ngày 23/01/2025 của Tòa án nhân dân thành phố T. Q, tỉnh Tuyên Quang.

[3] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận, bị đơn ông Vương Ngọc L phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Ông L đã nộp tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm nên được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[4] Các phần khác của bản án không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật.

[5] Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308, Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí của Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo bản án của bị đơn ông Vương Ngọc L. Giữ nguyên Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 17/2025/HNGĐ-ST ngày 23/01/2025 của Tòa án nhân dân thành phố T. Q, tỉnh Tuyên Quang như sau:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của bà Phạm Thị Minh H.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Phạm Thị Minh H được ly hôn với ông Vương Ngọc L. Theo Giấy chứng nhận kết hôn số 70/2018 cấp ngày 28/12/2018 tại Ủy ban nhân dân phường N. T, thành phố T. Q, tỉnh Tuyên Quang.

2. Về án phí: Bà Phạm Thị Minh H phải chịu tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*), theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0000238 ngày 18 tháng 11 năm 2024 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố T. Q, tỉnh Tuyên Quang). Bà Phạm Thị Minh H đã nộp đủ tiền án phí.

3. Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Vương Ngọc L phải chịu 300.000 (*Ba trăm nghìn đồng*) đồng tiền án phí dân sự phúc thẩm, nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp tại biên lai số 0000325 ngày 13/3/2025 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T. Q, tỉnh Tuyên Quang. Ông L đã nộp đủ tiền án phí dân sự phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án, ngày 08/5/2025.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND Cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND Cấp cao tại Hà Nội
- VKSND tỉnh Tuyên Quang;
- TAND tp T. Q;
- CCTHADS tp T. Q;
- UBND phường N. T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VPTA (HCTP).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phúc An Hoàn